TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH THẠNH** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: **15**/2021/DS-ST Ngày 18-5-2021 V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THẠNH, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Cẩm Phường**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Thanh Liêm**

2. Bà **Ngô Thị Phương Trang**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Thạch** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Tiến Lễ** - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, Thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 120/2020/TLST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2021/QĐXX-ST ngày 05 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2021/QĐST-DS ngày 29 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Thu E**

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Kim C**; ông **Cao Văn H**.

Cùng địa chỉ: ấp Q, xã T, huyện D, thành phố Cần Thơ.

(Bà E, bà C có mặt, ông H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị Thu E trình bày như sau:

Vào năm 2018 bà có cho bà C vay tiền, vay làm nhiều lần cụ thể như sau: Ngày 15/02/2018 (al) vay số tiền 5.000.000 đồng; ngày 27/8/2018 vay số tiền 6.000.000 đồng; ngày 05/10/2018 vay số tiền 2.000.000 đồng, tổng số tiền bà C

vay là 13.000.000 đồng, hình thức trả là góp mỗi ngày 30.000 đồng đến khi hết nợ. Việc vay tiền các bên không làm hợp đồng mà chỉ ghi vào giấy bà C có ký tên xác nhận. Ngoài ra thì vào năm 2017 bà C có vay tiền nhưng còn nợ lại 900.000 đồng, cũng năm 2017 bà C có hỏi mượn số tiền 2.000.000 đồng, việc này cũng có ghi vào giấy theo dõi bà C có ký tên xác nhận. Như vậy, tổng cộng bà C nợ số tiền là 15.900.000 đồng và ngày 30/8/2019 (al) các bên chốt nợ bà C có ký xác nhận còn nợ lại số tiền 15.900.000 đồng, việc vay trên các bên có thỏa thuận lãi suất là 20%/tháng, chỉ thỏa thuận bằng miệng không lập thành văn bản. Từ khi vay đến nay bị đơn không đóng tiền nợ gốc cũng như nợ lãi. Đến ngày 28/01/2020 (dl) bị đơn có làm tờ cam kết thừa nhận có nợ lại số tiền 15.900.000 đồng và hứa trả mỗi tháng 4.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ, nhưng bị đơn không thực hiện đúng theo cam kết, mục đích bị đơn vay số tiền trên là để phục vụ chung sinh hoạt gia đình của bị đơn. Nay bà yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Kim C và chồng là ông Cao Văn H có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền nợ gốc 15.900.000 đồng, nợ lãi tính theo lãi suất 1,67%/tháng từ ngày 30/8/2019 (al) đến ngày xét xử sơ thẩm là hơn 18 tháng nhưng chỉ yêu cầu 18 tháng, số tiền yêu cầu là (15.900.000 đồng x 1,67%) = 265.000 đồng/tháng x 18 tháng = 4.779.000 đồng.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 30/10/2020 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị Kim C trình bày như sau:

Thừa nhận bà có vay tiền của nguyên đơn như nguyên đơn trình bày là đúng, nhưng bà có góp cho nguyên đơn được số tiền 3.050.000 đồng, việc góp tiền này không lập thành văn bản hay giấy tờ gì. Bà thừa nhận bà có ký tên xác nhận còn lại nguyên đơn số tiền 15.900.000 đồng, ngày 28/01/2020 bà cũng có ký tên cam kết còn nợ lại số tiền như trên và cam kết trả mỗi tháng 4.000.000 đồng nhưng từ ngày cam kết đến nay tôi không có thực hiện đúng như cam kết do hoàn cảnh hiện nay khó khăn không trả được cho nguyên đơn. Số tiền này bà vay mục đích là tiêu xài cho cá nhân của bà không liên quan gì đến ông H là chồng của bà, hiện nay bà chỉ còn nợ lại nguyên đơn số tiền 12.850.000 đồng do bà đã góp được số tiền 3.050.000 đồng. Nay qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền 12.850.000 đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng, tiền nợ lãi bà xin không trả cho hoàn cảnh khó khăn, bà không yêu cầu ông H có trách nhiệm liên đới trả số tiền trên cùng bà.

Bị đơn ông Cao Văn H trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông H nhưng ông H đều vắng mặt, không có ý kiến đối với yêu cầu của

nguyên đơn.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Bà Trần Thị Thu E khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị C và ông Cao Văn H có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà số tiền nợ gốc là 15.900.000 đồng và nợ lãi phát sinh. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết trong vụ án này là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn có nơi cư trú tại Q, xã T, huyện D nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn ông Cao Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn trong vụ án.

[3] Xét nội dung yêu cầu của nguyên đơn: Nguyên đơn có cho bị đơn bà C vay tiền nhiều lần, tổng số tiền nợ vay là 15.900.000 đồng nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn có trách nhiệm trả lại số tiền này, lời khai của phía nguyên đơn về việc có cho bị đơn vay tiền được bị đơn thừa nhận. Vì vậy, về tình tiết bị đơn có vay tiền của nguyên đơn là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Xét lời khai của bị đơn bà C cho rằng bà đã trả cho nguyên đơn được số tiền 3.050.000 đồng nhưng bà không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời khai của mình, lời khai này của bị đơn không được nguyên đơn thừa nhận. Quá trình chuẩn bị xét xử vụ án, tính đến trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra

việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, mặc dù đã được Tòa án đã ấn định thời gian yêu cầu bị đơn giao nộp các tài liệu, chứng cứ để chứng minh việc đã trả cho nguyên đơn được số tiền 3.050.000 đồng nhưng đến hết thời hạn chuẩn bị xét xử theo thủ tục sơ thẩm, bị đơn vẫn không giao nộp tài liệu, chứng cứ. Căn cứ khoản 1, khoản 4 Điều 96 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định bị đơn không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời khai của mình nên không có cơ sở để xem xét.

[5] Về yêu cầu thanh toán tiền nợ lãi: Xét thấy việc bị đơn nợ nguyên đơn số tiền vay thì khi thanh toán tiền nợ vay bị đơn còn phải trả lãi trên số tiền nợ gốc, nguyên đơn yêu cầu thanh toán tiền nợ lãi 1,67%/tháng là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[6] Về nghĩa vụ liên đới: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị C và ông Cao Văn H có trách nhiệm liên đới thanh toán số tiền nợ vay và số tiền lãi. Bị đơn bà C không đồng ý vì cho rằng ông H không biết và không liên quan đến số nợ này. Xét khoản tiền vay phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa bà C và ông H, trong thời gian này bà C và ông H sống chung, xây dựng kinh tế chung và thực hiện các quyền và nghĩa vụ chung theo luật định. Việc vay tiền mục đích nhằm xây dựng kinh tế của gia đình bà C và ông H. Do đó, mặc dù ông H không biết khoản nợ vay này nhưng ông H và bà C phải chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 27; Điều 30; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 1 Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:*"Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30 hoặc giao dịch khác phù hợp với quy định về đại diện tại các điều 24, 25 và 26 của Luật này"*. Ngoài ra, việc buộc ông H có trách nhiệm liên đới thanh toán nợ là cần thiết để đảm bảo công tác thi hành án. Từ những nhận định trên, cần buộc ông Cao Văn H có nghĩa vụ liên đới cùng bà Nguyễn Thị C thanh toán khoản nợ vay cho nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Từ những tình tiết và sự kiện nêu trên, có đủ cơ sở để xác định việc bị đơn có vay tiền của nguyên đơn còn nợ lại 15.900.000 đồng là có thật. Đến hạn thanh toán nhưng bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015: *"...1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn...."*. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thu E về việc buộc bị

đơn bà C và ông H có trách nhiệm liên đới thanh toán số tiền nợ gốc 15.900.000 đồng và nợ lãi 4.779.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[8] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn bà C và ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[9] Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên về phần thủ tục tố tụng cũng như đề xuất nội dung giải quyết vụ án là có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; Điều 92 ; Điều 96; Điều 147; Điều 184; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 105; 115; 466; 468; Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 27; 30; 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thu E về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" với bà Nguyễn Thị Kim C và ông Cao Văn H.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim C và ông Cao Văn H có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà Trần Thị Thu E tổng số tiền nợ vay là 20.679.000 đồng (Hai mươi triệu sáu trăm bảy mươi chín nghìn đồng)(Trong đó nợ gốc 15.900.000 đồng, nợ lãi là 4.779.000 đồng)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí:

2.1 Bà Nguyễn Thị Kim C và ông Cao Văn H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 1.033.900 đồng *(Một triệu không trăm ba mươi ba nghìn chín trăm đồng).*

2.2 Hoàn trả cho bà Trần Thị Thu E số tiền tạm ứng án phí 398.000 đồng *(Ba trăm chín mươi tám nghìn đồng)* theo biên lai thu số 016468 ngày 05.10.2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3.Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 *(Mười lăm)* ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 *(Mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TP Cần Thơ;
- VKS huyện Vĩnh Thạnh;
- Chi THA dân sự huyện Vĩnh Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
Đã ký

Nguyễn Thị Cẩm Phường